

## Dân tộc học



## NƯỚC NGOÀI

Nhóm dân tộc Choang - Tải của Trung Quốc xếp theo ngôn ngữ học là nhóm Choang Động, ngữ hệ Hán Tạng, gồm 8 dân tộc:

1. Dân tộc Choang có 15.489.630 người(1), phân bố tại khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (chiếm khoảng 90%), ngoài ra là ở tỉnh Vân Nam, Quảng Đông, Tứ Xuyên, Quý Châu, Hồ Nam.

2. Dân tộc Bố Y có 2.545.059 người, chủ yếu phân bố tại Quý Châu, ngoài ra còn ở tỉnh Tứ Xuyên, Vân Nam.

3. Dân tộc Động có 2.514.014 người, chủ yếu phân bố tại Quý Châu, ngoài ra là ở tỉnh Hồ Nam, Quảng Tây, Hồ Bắc.

4. Dân tộc Lê có 1.110.900 người, đều ở tỉnh Hải Nam.

6. Dân tộc Tải (không gọi là Thái) có 1.025.128 người, đa số phân bố tại tỉnh Vân Nam, ngoài ra ở tỉnh Tứ Xuyên.

7. Dân tộc Thủy có 345.993 người, đa số phân bố tại Quý Châu, ngoài ra có một số ít ở Quảng Tây.

8. Dân tộc Mô Lao có 159.328 người, phân bố tại Quảng Tây, Quý Châu.

9. Dân tộc Mao Nam có 71.968 người, đều cư trú ở Quảng Tây.

Tám dân tộc trên đây có tổng số dân là 23.262.020 người.

Ngôn ngữ các dân tộc nhóm Choang - Tải có nhiều điểm giống nhau về ngữ

## BÀN VỀ QUAN HỆ GIỮA CÁC DÂN TỘC TRONG NHÓM CHOANG - TẢI TRUNG QUỐC

PHẠM HỒNG QUÝ

âm. Ví dụ, cuối phụ âm có “p”, “t”, “k” từ vựng cơ bản giống hoặc gần giống nhau; có một số từ đồng nguyên; ngữ pháp giống nhau. Ngôn ngữ được xem là *hoá thạch sống* của nhà nghiên cứu nên chúng ta có thể theo dõi ngôn ngữ để tìm hiểu nguồn gốc và mối quan hệ của họ.

Sách cổ chưa ghi nguồn gốc và mối quan hệ giữa họ ra sao, nhưng theo tài liệu ngôn ngữ trong các sách đó cho ta biết nguồn gốc của họ là người Bách Việt (tức có nhiều nhóm người Việt) Thời Tần Hán, tức thế kỷ III trước Công nguyên đến thế kỷ III sau Công nguyên, họ phân bố tại miền nam sông Trường Giang, nay thuộc các tỉnh Giang Tô, Triết Giang, Giang Tây, Phúc Kiến, Hồ Bắc, Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu, Vân Nam. Theo sách cổ, nhóm người này từ thế kỷ II, tộc danh của họ là Man, Li Lao. Từ nhà Đường, tức thế kỷ VI đến thế kỷ IX, các dân tộc nhóm Choang - Tải dần dần có tộc danh riêng.

Theo lịch sử toán học cho biết, tư duy của người cổ còn rất thấp; về các con số chỉ có 1 và 2; trên ba số gọi là nhiều. Sau đó xã hội phát triển, tư duy được nâng cao và các con số từ ba trở lên dần dần mới có. Với các con số từ một đến mười, trừ dân tộc Lê, còn các dân tộc trong nhóm Choang - Tải có cách gọi giống hoặc gần giống nhau

Chúng ta biết là tổ tiên người Lê thiên di sang đảo Hải Nam vào thời kỳ số từ còn chưa xuất hiện, nên số từ người Lê khác với bảy dân tộc khác trong nhóm. Số từ bảy dân tộc này ngoài số năm, các số còn lại giống hoặc gần giống tiếng Quảng Châu. Tiếng Quảng Châu vẫn lưu giữ yếu tố của ngôn ngữ Bách Việt nên chúng ta có thể coi là số từ giống hoặc gần nhau là do tiếng Bách Việt xưa để lại. Nhưng có một số nhà ngôn ngữ học cho rằng số từ của bảy dân tộc này là mượn từ tiếng Hán. Dấu sao, có thể chứng minh khi số từ xuất hiện, các dân tộc này còn chung sống với nhau.

Với những từ vựng về nông nghiệp, cũng có sự giống nhau. Ví dụ từ “ruộng”, “lúa”, “cày”, “nước”, “con trâu”, “con bò”, “cấy mạ”, “rơm rạ”, “con đĩa”...

Những từ vựng về gia cầm gia súc cũng giống và gần giống nhau. Ví dụ các từ “gà”, “vịt”, “ngỗng”, “lợn”, “chó”, “ngựa”...

Theo tài liệu khảo cổ học, chúng ta biết nông nghiệp là kết quả phát triển của nghề hái lượm nguyên thủy. Người cổ thuần hoá những thực vật hoang dại thành thực vật để trồng trọt; những gia cầm, gia súc cũng do thuần hoá từ động vật hoang dã mà thành. Quá trình đó xuất hiện ở thời kỳ đồ đá mới.

Những từ “bát”, “đũa”, “muối”, “mía”, “bông”, “vùng”, “rượu” cũng giống hoặc gần nhau. Theo tài liệu lịch sử, nông nghiệp, khảo cổ học, văn hiến học cho biết, “bát” (tiếng dân tộc nhóm Choang – Tả gọi là “thủi”) xuất hiện từ thời kỳ Tây Châu - Xuân Thu, tức

thế kỷ X trước Công nguyên đến thế kỷ IV trước Công nguyên; “đũa” (tiếng dân tộc nhóm Choang – Tả gọi là “thu”) xuất hiện vào thời nhà Thương, tức thế kỷ IX trước Công nguyên. Thời kỳ trước nhà Tần, tức thế kỷ III đến thế kỷ I trở lên trước Công nguyên, tuy đã có đũa, nhưng nói chung ngày thường không dùng, chỉ khi bữa cơm có rau mới dùng đũa. Sau nhà Hán, tức thế kỷ II trước Công nguyên đến thế kỷ I sau Công nguyên việc dùng đũa mới phổ biến. “Muối” xuất hiện vào thời kỳ Thương Châu, tức thế kỷ XVI đến thế kỷ VII trước Công nguyên.

“Rượu” (tiếng dân tộc gọi là “lẩu”) có hai loại: rượu thiên nhiên – tức lương thực dự trữ bị ẩm rồi lên men biến thành rượu; loại nữa là người ta chế biến lương thực lên men để thành rượu. Nghiên cứu của lịch sử khoa học kỹ thuật cho biết, rượu đã xuất hiện từ thời kỳ đồ đá mới. Những đồ đựng rượu làm bằng đồng đã được khảo cổ học phát hiện. Vào thời kỳ cuối nhà Thương đầu nhà Tây Châu, tức cách nay 3.100 năm người cổ đã biết uống rượu.

Từ “mía”, tiếng dân tộc gọi là *oi*. Sơ kỳ nhà Đông Chu, tức thế kỷ VIII đến thế kỷ III trước Công nguyên tại trung Quốc đã biết trồng mía. Khi Đường Thái Tông (năm 627 - 649) mở rộng lấy mía làm đường, đã thúc đẩy nghề trồng mía phát triển. Đến thời kỳ Bắc Tống, tức thế kỷ XI, miền nam sông Trường Giang đã có một diện tích trồng mía khá rộng.

Từ “bông”, tiếng dân tộc gọi là “ga”, đã xuất hiện từ thời nhà Hán. Bông châu Á, còn gọi là bông Trung Quốc, đã có từ thế kỷ VI.

Từ “vùng” tiếng dân tộc gọi là “ga”. Một di chỉ thời kỳ đồ đá mới khai quật tại huyện Ngô Hưng tỉnh Triết Giang đã thấy có vùng.

Từ “mua bán” tiếng dân tộc gọi là “su khaai”. Thời nhà Thương đã xuất hiện tiền và điều đó cho ta biết thời kỳ ấy đã có hoạt động mua bán. Đến thời kỳ Tần Hán, hoạt động mua bán đã được mở rộng.

Những từ nói trên giống nhau chứng minh rằng khi chúng xuất hiện, các dân tộc trong nhóm còn chung sống với nhau. Sau thời kỳ Đường, Tống, các dân tộc dần dần tách ra khỏi nhóm.

Dân tộc Tả cư trú tại Sip-xong-ban-na có sử thi dài nói về tổ tiên họ sinh sống tại phía Bắc, nơi có mưa tuyết. Họ không có từ tuyết nên nói là mưa muối hay mưa lá trắng. Sống ở vùng đó rét nhiều nên thiếu ăn, phải di cư xuống phía nam và thiên di lâu năm mới đến Sip-xong-ban-na. Sau đó, có một số người lại thiên di sang nơi khác. Tôi lấy 894 từ dùng hàng ngày so sánh phương ngữ nam bộ tiếng Choang với tiếng Tả Sip-xong-ban-na thì có 466 từ giống nhau và gần nhau, chiếm 52,1%. Dân tộc Choang sinh sống tại phía bắc Sip-xong-ban-na, nơi phía bắc Quảng Tây vào mùa đông còn mưa tuyết. Nhưng có học giả nói người Tả là ở lưu vực Kim Sa Giang thiên di xuống.

Dân tộc Động có bài ca “Tổ tiên người Động từ đâu ra”. Trong bài, lời hát nói rằng tổ tiên của họ là ở Ngô Châu, vì thiếu đất đai màu mỡ, vì thiếu đất cày cấy, vì tranh chấp đất đai mà theo Tây Giang thiên di bằng thuyền, rồi định cư tại Quý Châu.

Trên đường thiên di, có một số người dừng lại tại huyện La Thành, trở thành người Mô Lao, nên tên tự gọi của người Động với người Mô Lao đều là Kjam. Qua khảo sát 694 từ thường dùng của tiếng Động và tiếng Mô Lao có 455 từ đồng nguyên, chiếm 65,6% (2). Đặc điểm nổi bật của người Động là có cầu Phong Vũ, tức trên cầu có nóc và bàn ghế, có thể che nắng và mưa gió. Bên cạnh Ngô Châu là huyện Hoài Tập nay vẫn có cầu Phong Vũ. Tiếng nói của họ gần giống như tiếng Choang - Động.

Tiếng nói của người Mao Nam khi so sánh với phương ngữ Bắc bộ tiếng Choang, có 929 từ thường dùng thì tương giống nhau hoặc gần nhau có 509 từ chiếm 54,79%. Có thể vào thời kỳ nhà Tống tộc người này đã dần dần tách khỏi nhóm Choang - Tả phân hóa ra, thành một dân tộc riêng.

Theo truyền thuyết của người Thủy tổ tiên họ là từ Ưng Châu (nay thuộc vùng Nam Ninh) thiên di sang Quý Châu. Khi so sánh 911 từ phương ngữ Bắc bộ tiếng Choang với tiếng Thủy trong đó giống nhau hoặc gần nhau là 490 từ, chiếm 42,81%.

Người Bố Y với người Choang gần gũi nhất. Sông Hồng Thủy là ranh giới khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây với tỉnh Quý Châu. Phía bắc sông Hồng Thủy là người Bố Y, phía nam là người Choang, ngày thường họ đi lại với nhau, tiếng nói giống nhau, phong tục tập quán giống nhau. Thời nhà Nguyên (1279 -1368), trong sử sách bắt đầu gọi họ là Trọng Gia; sau giải phóng người Bố Y tự gọi là “pu jui” hay “pujai”. Người Choang có trên bốn

mười tên tự gọi, trong đó có khá đông người tự gọi giống như người Bố Y.

Từ sau nhà Nam Tống (năm 1127 - 1279) tộc danh Choang bắt đầu xuất hiện trong sử sách. Đến thời nhà Thanh (năm 1644 - 1911) đã phổ biến dùng tộc danh này. Có trên hai mươi huyện đã dùng tộc danh này. Tiếng Choang có hai phương ngữ: phương ngữ nam bộ và phương ngữ bắc bộ. Về tiêu chí của hai phương ngữ: phương ngữ nam bộ chủ yếu có âm bật hơi; phương ngữ bắc bộ thì không có. Ví dụ: từ “bán” nam bộ là “khaai”, còn bắc bộ là “kaai”, “đi” nam bộ là “phajai” thì bắc bộ là “pjai”. Ranh giới của hai phương ngữ này là Hữu Giang: phía nam Hữu Giang thuộc phương ngữ nam bộ, phía bắc thuộc phương ngữ bắc bộ. Tiếng Bố Y giống phương ngữ Bắc bộ.

Khi chúng ta nghiên cứu lịch sử dân tộc phải lưu ý nhất là không thể lấy khái niệm dân tộc ngày nay mà lồng hoặc thay thế quan niệm người cổ. Quan niệm dân tộc là quan niệm hiện đại. Người cổ chỉ chia thành nhóm người, tiêu chí nhóm người chỉ là tiếng nói và phong tục tập quán, mà đối với tiếng nói cũng không có ngôn ngữ học hiện đại điều tra ghi âm kỹ. Cho nên nhóm người cổ có thể bao gồm nhiều dân tộc hiện đại. Trong lịch sử phát triển lâu dài, vì hoàn cảnh địa lý cư trú, chịu ảnh hưởng bên ngoài khác nhau mà trong nhóm người có một số theo hướng phát triển khác nhau. Có học giả Thái Lan hỏi tác giả bài viết này, người Động là láng giềng với người Choang, người Thái của Thái Lan ở xa hơn, tại sao tiếng nói và phong tục tập quán người Động hơi xa với người Choang trong khi người Thái

của Thái Lan ở xa nơi cư trú người Choang lại gần gũi hơn? Tác giả đã trả lời, “Đây là vấn đề phân hóa sớm muộn. Người Động từ một nhóm gốc phân hoá sớm, tuy là láng giềng, nhưng vẫn khác nhau nhiều hơn. Người Thái của Thái Lan từ một nhóm gốc có sự phân hóa muộn nên giống nhau nhiều hơn. Chẳng hạn mấy anh em ruột khi thành lập gia đình cư trú ở nhiều nơi xa gần khác nhau, vẫn là anh em ruột; nhưng bà con láng giềng tuy ở rất gần, vẫn chỉ là láng giềng mà không có quan hệ huyết thống.

Theo sách Diêm Thiết Luận, Sử Ký, Hán Thư, được biết người Bách Việt cổ đại có nhóm Tây - Âu, Lạc - Việt, phân bố tại Quảng Đông, Hải Nam, Quảng Tây và Bắc bộ Việt Nam hiện nay, trong đó nhóm Choang - Tải là gốc của họ.

Nhóm Choang - Tải của Trung Quốc có quan hệ huyết thống với những dân tộc Tày, Thái, Nùng, Cao Lan, Giáy, La Chí, Lự, Bố Y, Pu Páo của Việt Nam; người Pu Thay, Lào Lùm của Lào; người Thái của Thái Lan; người Sam của Miến Điện; người Ahom của Ấn Độ. Về vấn đề này, có thể bàn trong một bài viết khác (3).

### Chú thích

1. Theo thống kê của Tổng điều tra dân số năm 1990. Dân số các dân tộc được dẫn sau đây cũng cùng một năm thống kê. Tổng điều tra dân số tháng 11 năm 2000 còn chưa công bố.
2. Vương Quân, Trịnh Quốc Kiều. *Giản chí Ngôn ngữ Mô Lao*, Nhà xuất bản Dân tộc, năm 1980, trang 2.
3. Vương Quân, Trịnh Quốc Kiều. *Giản chí ngôn ngữ Mô Lao*, Nhà xuất bản Dân tộc, năm 1980, trang 2.